

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2105/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 15 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch khoa học và công nghệ tỉnh Phú Yên
giai đoạn 2011-2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh Phú Yên; Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 21/9/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên;

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 122/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 741/TTr-SKHCCN ngày 19 tháng 10 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch khoa học và công nghệ tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Quang Nhất

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Khoa học và công nghệ tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 15/12/2011
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2006-2010

Nhìn chung trong 5 năm qua, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ và của Tỉnh ủy, hoạt động Khoa học và Công nghệ (KH&CN) trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả như sau:

Việc triển khai thực hiện các đề tài, dự án KH&CN của tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định, nhất là môi trường pháp lý KH&CN, với hệ thống các văn bản quy định về KH&CN của tỉnh được hoàn thiện một bước, đã tạo hành lang pháp lý để các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN có cơ sở thực hiện các nhiệm vụ KH&CN ngày càng tốt hơn.

Đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ được quan tâm hơn. Ngân sách tỉnh hàng năm chi cho hoạt động khoa học và công nghệ cơ bản bảo đảm theo quy định. Hoạt động triển khai nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nhiều cố gắng, mang lại một số kết quả, nhất là trên lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng KH&CN vào sản xuất.

Trên lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, bước đầu hình thành những tài liệu có giá trị trong nghiên cứu, giáo dục và đào tạo, đặc biệt là trong bồi dưỡng nhận thức chính trị, tư tưởng đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần dân tộc thông qua các đề tài nghiên cứu triển khai đã tập trung nghiên cứu, tuyển chọn các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao (như lúa, mía, sắn, đậu, phục hồi đàn bò vàng, gia cầm,...), đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, nhất là tại các vùng chuyên canh; trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản cũng đã có những bước tiến bộ đáng kể.

Trong khoa học tự nhiên và công nghệ, đã nghiên cứu triển khai một số mô hình, dự án, giải pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ du lịch, bảo vệ và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái... mang lại hiệu quả bước đầu. Việc triển khai thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông

ngành để áp dụng công nghệ cao Hòa Quang đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

Tuy vậy, tiềm lực KH&CN của tỉnh vẫn còn thấp, năng lực tham mưu quản lý KH&CN của các cấp còn hạn chế; đội ngũ khoa học có trình độ cao chưa nhiều; Các đề tài, dự án KH&CN chưa mang tính đột phá, chưa có tác dụng thúc đẩy các lĩnh vực phát triển mạnh mẽ. Việc ứng dụng và nhân rộng các đề tài, dự án thành công vào thực tiễn còn gặp khó khăn, nhất là chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và địa phương. Hoạt động KH&CN cấp huyện còn yếu và còn nhiều bất cập trong công tác quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư nghiên cứu khoa học và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh sản phẩm.

Quản lý Nhà nước về KH&CN có một số mặt còn khó khăn, lúng túng. Việc triển khai Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Nông nghiệp để áp dụng công nghệ cao Hòa Quang còn chậm so tiến độ được phê duyệt.

B. KẾ HOẠCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011-2015

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu của nước ta giai đoạn 2011-2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25/7/2011 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XV, theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch khoa học và công nghệ tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015 có các nội dung như sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG

1. Tiếp tục đổi mới cơ chế, hoàn thiện chính sách, tổ chức quản lý KH&CN. Xây dựng các cơ chế ưu đãi về hoạt động KH&CN nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho KH&CN tại tỉnh phát triển. Tăng cường củng cố tổ chức và hoạt động KH&CN cấp huyện, các tổ chức KH&CN, các hoạt động KH&CN tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu những vấn đề lý luận phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tại địa phương.

3. Gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với sản xuất kinh doanh và ứng dụng KH&CN vào đời sống và sản xuất. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ thích hợp cho các khu vực nông nghiệp, công nghiệp, miền núi, nông thôn và ven biển, chú trọng các vùng đặc biệt khó khăn nhằm phát huy thế mạnh vùng miền, tạo việc làm, tăng thu nhập và

cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng. Quan tâm thu hút công nghệ cao vào một số ngành công nghiệp chủ lực, ngành dịch vụ và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh; tăng hàm lượng KH&CN trong các sản phẩm sản xuất kinh doanh và dịch vụ, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng và hiệu quả ở một số ngành kinh tế quan trọng.

4. Nâng cao năng lực quản lý hoạt động KH&CN; tập trung đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN cả về số lượng và chất lượng. Đẩy nhanh tốc độ hiện đại hóa cơ sở hạ tầng KH&CN. Bảo đảm thực hiện quyền sở hữu trí tuệ, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo đúng chuẩn mực thế giới.

5. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động KH&CN, huy động mọi nguồn lực xã hội - nhất là từ doanh nghiệp - cho phát triển KH&CN. Thành lập Quỹ phát triển KH&CN tỉnh và của tổ chức, doanh nghiệp; Quỹ đổi mới công nghệ; Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao. Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho phát triển KH&CN, đảm bảo mức đầu tư theo quy định Nhà nước. Tăng cường kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Nâng cao tiềm lực KH&CN của tỉnh đạt trình độ khá trong khu vực, trung bình khá trong nước vào năm 2015.

2. Nâng cao trình độ, chất lượng và hiệu quả của các công trình nghiên cứu, bảo đảm trên 60% nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng và phục vụ trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước và cải cách hành chính; 80% các công trình khoa học xã hội và nhân văn có kết quả nghiên cứu được công bố, phổ biến tại thư viện các cấp. Phấn đấu từng bước bảo đảm các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất vệ sinh, an toàn thực phẩm và ô nhiễm môi trường được quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật.

3. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới phục vụ trực tiếp cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh tế tại tỉnh. Đưa vào vận hành, tăng cường thu hút đầu tư và hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cao vào Khu nông nghiệp áp dụng công nghệ cao Hòa Quang.

4. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại cho các cơ sở nghiên cứu và ứng dụng KH&CN. Hình thành đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ, tổ chức nghiên cứu và giải quyết những nhiệm vụ KH&CN của tỉnh.

III. NHỮNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHỦ YẾU

1. Đổi mới cơ bản toàn diện và đồng bộ về cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý cho khoa học và công nghệ

1.1. Hoàn thiện các chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ KH&CN.

1.2. Xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới, đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế gắn với tự do hóa thương mại, tạo cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa và thu hút đầu tư, tăng khả năng tiếp cận với công nghệ tiên tiến.

1.3. Xây dựng chính sách đưa cán bộ KH&CN đến vùng nông thôn, miền núi, ven biển khó khăn nhằm triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN mới.

1.4. Bổ sung, hoàn thiện và tiếp tục xây dựng hành lang pháp lý về quản lý và thực hiện các nhiệm vụ KH&CN tạo điều kiện cho các cấp, ngành, cơ sở trong tỉnh hoạt động.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật

Tập trung các nhiệm vụ sau:

+ *Nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn*, yêu cầu đảm bảo các mục tiêu: Tổng kết thực tiễn, dự báo xu hướng phát triển, cung cấp luận cứ khoa học định hướng cho việc phát triển kinh tế xã hội. Tập trung các nội dung:

(1). *Xây dựng luận cứ khoa học phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên trong thế tác động và quan hệ vùng phụ cận thời kỳ 2011-2020.*

(2). *Xây dựng Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.*

(3). *Đánh giá thực trạng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và sử dụng nguồn nhân lực tại Phú Yên theo chủ trương của tỉnh, đề xuất phương hướng và giải pháp đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực đến 2020 và định hướng đến 2030.*

(4). *Nghiên cứu phát triển chương trình đào tạo cao đẳng, đại học phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên và vùng Nam Trung bộ - Tây Nguyên.*

(5). *Nghiên cứu chỉnh lý, bổ sung nội dung, tái bản sách Địa chí Phú Yên và một số công trình nghiên cứu theo các khu vực địa lý, kinh tế, văn hóa xã hội trong tỉnh.*

+ *Nghiên cứu khoa học tự nhiên và ứng dụng công nghệ.*

Xây dựng thành 07 chương trình, gồm:

- Chương trình 1: *Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.*

Tập trung các nội dung:

Nghiên cứu ứng dụng tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng phù hợp với điều kiện tự nhiên ở Phú Yên; Nghiên cứu khai thác hệ vi sinh vật đất bản địa để phục hồi ổn định và nâng cao độ phì của đất trồng; Ứng dụng công nghệ vi sinh vật sản xuất phân bón đa chức năng, chế phẩm xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh trên cây, con; Nghiên cứu các giải pháp và các chế phẩm dùng trong bảo quản và chế biến nông sản.

- Chương trình 2: Đa dạng hóa đối tượng, xây dựng các mô hình nuôi trồng nông lâm thủy sản bền vững và thân thiện môi trường. Tập trung các nội dung:

(1). Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nuôi thương phẩm các đối tượng nuôi mới theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh, có giá trị kinh tế cao và giá trị xuất khẩu.

(2). Nghiên cứu, xây dựng các mô hình phục hồi hệ sinh thái và bảo tồn nguồn lợi; các mô hình nuôi trồng thân thiện môi trường; Xây dựng vùng nuôi an toàn, bền vững, hiệu quả.

(3). Ứng dụng các thành tựu KH&CN tiên tiến xây dựng các mô hình thâm canh cây trồng, vật nuôi hình thành vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; mô hình vùng rau tập trung, chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm.

(4). Nghiên cứu, xây dựng mô hình, quy trình trồng rừng sản xuất bền vững gắn với bảo vệ môi trường.

(5). Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trên lĩnh vực phòng trị bệnh trong nuôi trồng.

- Chương trình 3: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Tập trung các nội dung:

(1). Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ GIS, GPS để xây dựng bản đồ nền, bản đồ các vùng chuyên canh của tỉnh, bản đồ phục vụ công tác quản lý đô thị.

(2). Khai thác, chuyển giao các phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý Nhà nước, quản lý ngành, đơn vị; đưa ra các giải pháp về quản lý nguồn lực cho các tổ chức.

(3). Thực hiện các dịch vụ công nghệ thông tin - truyền thông trong các tổ chức, trong các hoạt động điều tra, thăm dò khảo sát tài nguyên, theo dõi biến động môi trường, trong các lĩnh vực y tế, văn hóa, du lịch, ...

- Chương trình 4: Áp dụng công nghệ cơ khí chế tạo máy - tự động hóa, yêu cầu đảm bảo các mục tiêu:

(1). Phát triển kỹ thuật mô phỏng nghiên cứu chế tạo một số thiết bị, máy móc đáp ứng nhu cầu sản xuất, đời sống tại địa phương.

(2). Ứng dụng các công nghệ gia công cơ cùng với việc nâng cấp, hiện đại hóa thiết bị, máy móc hiện có; kết hợp cơ khí điện tử phục vụ tự động hóa thiết kế và các quá trình điều khiển, kiểm tra, đo lường.

(3). Ứng dụng công nghệ chế tạo máy phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản và chế biến lương thực thực phẩm.

- Chương trình 5: Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, ven biển và miền núi đến năm 2015. Tập trung các nội dung:

(1). Ứng dụng KH&CN xây dựng các mô hình: sản xuất các loại nấm ăn và nấm dược liệu; nuôi chim yến hàng tại các hang đảo vùng ven biển Phú Yên; nuôi cá tầm; nuôi cá ngừ đại dương.

(2). Nghiên cứu và chuyển giao các loại máy móc thiết bị và dây chuyền thiết bị trong trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất muối.

(3). Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, thiết bị phù hợp trong bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản.

(4). Nghiên cứu công nghệ, thiết bị và các giải pháp xử lý các chất phế thải nông nghiệp.

(5). Nghiên cứu cải tiến ngư cụ, phương pháp đánh bắt mới, phương pháp bảo quản sau khai thác nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả.

(6). Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nông nghiệp nông thôn và miền núi.

- Chương trình 6: Phục vụ phòng tránh thiên tai, ứng phó các tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Tập trung các nội dung:

(1). Nghiên cứu, xây dựng các luận cứ khoa học cho việc quản lý tổng hợp, quy hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên quan trọng (nước, đất, rừng, khoáng sản, sinh vật).

(2). Nghiên cứu quy luật diễn thế các hệ sinh thái các vùng đặc thù (Rừng ngập mặn, hạ lưu sông Bàn Thạch, đầm Ô Loan, đầm Cù Mông, các rạn san hô ven biển...) để xây dựng các mô hình khai thác, sử dụng có hiệu quả, bền vững; xây dựng các giải pháp và quy trình phục hồi các hệ sinh thái bị thoái hóa.

(3). Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các yếu tố tự nhiên, con người, kinh tế xã hội, môi trường Phú Yên. Đề xuất các giải pháp ứng phó.

(4). Nghiên cứu các quá trình sạt lở, trượt lở của một số vùng đồi núi, ven bờ trọng điểm để cảnh báo và chủ động phòng tránh tai nạn.

(5). *Xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu, về thiên tai trên địa bàn tỉnh Phú Yên.*

- Chương trình 7: *Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa, phát triển tài sản trí tuệ.* Tập trung các nội dung:

(1). *Các hoạt động có liên quan tới phát triển tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp theo Quyết định 68/2005/QĐ-TTg (ngày 04/4/2005) của Thủ tướng Chính phủ.*

(2). *Các hoạt động KH&CN được khuyến khích theo quy định tại Điều 1, Nghị định 119/1999/NĐ-CP của Chính phủ.*

(3). *Hỗ trợ xây dựng các tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu hội nhập WTO, ...*

3. Các nhiệm vụ quản lý nhà nước về các lĩnh vực khoa học và công nghệ khác

3.1. Hoạt động quản lý công nghệ và an toàn bức xạ hạt nhân:

Xây dựng và thực hiện lộ trình nâng cao năng lực công nghệ trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm của tỉnh. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ. Tăng cường nguồn lực cho đổi mới công nghệ vùng nông thôn, miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư. Vận động, tổ chức đưa doanh nghiệp Phú Yên tham dự các hội chợ công nghệ và thiết bị. Phối hợp với các Viện, cơ quan chuyên môn để tập huấn về công nghệ và an toàn bức xạ hạt nhân, thẩm định và cấp phép cho các cơ sở X-Quang.

3.2. Hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng:

Tăng cường hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, TCVN cho các cơ sở, doanh nghiệp, phương pháp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và thủ tục đăng ký mã số mã vạch. Tuyên truyền, xây dựng phong trào và hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tiếp nhận đăng ký chất lượng hàng hóa, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa; kiểm định phương tiện đo, mẫu thử nghiệm cho các đơn vị có nhu cầu.

Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hóa, kiểm tra các cơ sở kinh doanh xăng dầu và các hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ bảo quản thiết bị đo lường, chất lượng cho các doanh nghiệp trong tỉnh.

Khai thác, sử dụng có hiệu quả trang bị thiết bị đo lường, thử nghiệm của dự án đầu tư trang thiết bị thử nghiệm đã được đầu tư trang bị.

3.3. Hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức KH&CN và sở hữu trí tuệ:

Đẩy mạnh hoạt động thông tin về KH&CN, sở hữu trí tuệ phục vụ các cơ quan, doanh nghiệp trong tỉnh. Thu thập nhu cầu và cung cấp thông tin KH&CN trên địa bàn tỉnh. Mở các chuyên mục KH&CN trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến kiến thức KH&CN, các ứng dụng tiên bộ kỹ thuật đến cán bộ và nhân dân.

Hỗ trợ quản lý, tuyên truyền, đào tạo về sở hữu trí tuệ; xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân. Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các cơ quan và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn đăng ký bảo hộ và phát triển các đối tượng sở hữu trí tuệ cho các đơn vị và doanh nghiệp tỉnh Phú Yên. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép các đối tượng sở hữu trí tuệ.

3.4. Hoạt động Thanh tra KH&CN:

Tăng cường công tác thanh tra đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh gồm: các cơ sở có sử dụng máy X quang, các bệnh viện, cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu; nước uống, bia rượu, gạch ngói, sắt thép, vật liệu xây dựng, mũ bảo hiểm và các hàng hóa lưu thông trên thị trường. Nội dung thanh tra: đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn kiểm soát bức xạ, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hóa. Tăng cường kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành về việc thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KH&CN sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong quá trình thực hiện và sau nghiệm thu.

4. Hoạt động của các Trung tâm Khoa học và Công nghệ

Các Trung tâm hoạt động KH&CN kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm, chuyển đổi theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP, Nghị định 80/2007/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 15/2005/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập và Nghị định 80/2007/NĐ-CP về doanh nghiệp KH&CN.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới và chương trình khai thác năng lượng mới. Sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm mới tại địa phương.

5. Hoạt động của Khu Nông nghiệp áp dụng công nghệ cao

Tiếp tục đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Nông nghiệp áp dụng công nghệ cao Hòa Quang. Vận động và hướng dẫn các nhà đầu tư lập các thủ tục xin đầu tư vào Khu nông nghiệp áp dụng công nghệ cao Hòa Quang để đến năm

2015 cơ bản lấp kín mặt bằng. Lập dự án “*Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên*” với quy mô 1.000ha trên nền Khu nông nghiệp áp dụng công nghệ cao Hòa Quang để phù hợp với quy hoạch tổng thể các Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của cả nước, tạo điều kiện thu hút đầu tư, thu hút việc ứng dụng công nghệ cao, ưu tiên trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản và dịch vụ, môi trường,... đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Hoạt động khoa học và công nghệ các trường đại học, cao đẳng và khoa học và công nghệ cấp huyện

Nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng của các trường đại học, phân viện đại học, trường cao đẳng có trên địa bàn tỉnh, hình thành những nhóm nghiên cứu có năng lực giải quyết các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh.

Tăng cường chức năng quản lý nhà nước về KH&CN ở cấp huyện theo Luật định; củng cố bộ máy làm nhiệm vụ KH&CN ở cấp huyện theo Thông tư 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18/6/2008 liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Nội vụ. Đẩy mạnh việc phát triển phong trào lao động sáng tạo, phổ biến, lựa chọn các tiến bộ KH&CN, các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để áp dụng tại địa phương; tổ chức thực hiện các dịch vụ KH&CN trên địa bàn cấp huyện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

1.1. Căn cứ các quy định của Trung ương, xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi và các quy định về quản lý các hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

1.2. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng thuyết minh thực hiện từng chương trình nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ trong Kế hoạch KH&CN giai đoạn 2011-2015 trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

1.3. Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt: Đề án phát triển tiềm lực KH&CN tỉnh Phú Yên; phát triển tiềm lực các Trung tâm KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Điều lệ Quỹ phát triển KH&CN.

1.4. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện các nhiệm vụ ban hành theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch KH&CN tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp KH&CN hàng năm trên cơ sở quy định của Nhà nước để bảo đảm thực hiện Kế hoạch KH&CN tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011-2015.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức KH&CN, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch KH&CN 5 năm và hàng năm của sở, ban, ngành, địa phương và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước cho KH&CN của sở, ngành, địa phương./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Quang Nhất